TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-5-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16-6-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1988; có mặt.

Trú tại: Số 213 Nguyễn Chí T, tổ dân phố Đ 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Trương Công D, sinh năm 1987; vắng mặt.

Trú tại: Số 213 Nguyễn Chí T, tổ dân phố Đ 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07-12-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày có nội dung:

Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Trương Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11-5-2011 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk.

Quá trình chung sống anh D và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D thường xuyên bài bạc,

chị L có khuyên nhiều lần nhưng anh D không thay đổi, việc bài bạc làm kinh tế gia đình giảm sút, làm cho anh D, chị L có những ý kiến bất đồng, trái ngược và trong thời gian sống chung chúng tôi có nhiều thứ không hợp. Anh D và chị L đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Chị L cảm thấy cuộc hôn nhân này không thể kéo dài. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Trương Công D.

Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung tên Trương My S, sinh ngày 20/4/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện chị L yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, chị L xin thay đổi nội dung khởi kiện về cấp dưỡng như sau: Chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Công D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt anh D theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 07-12-2020 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 16 -12- 2020 Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích L và anh Trương Công D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, ngày 11-5-2011 có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống chị L xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do do anh D thường xuyên bài bạc, chị L có khuyên nhiều lần nhưng anh D không thay đổi, việc bài bạc làm kinh tế gia đình giảm sút, làm cho anh D, chị L có những ý kiến bất đồng, trái ngược và trong thời gian sống chung chúng tôi có nhiều thứ không hợp. Anh D và chị L đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì vợ chồng anh Trương Công D và chị Nguyễn Thị Bích L sau khi kết hôn chung sống tại địa phương, khi có phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng tự giải quyết, không khai báo chính quyền địa phương, không yêu cầu hoà giải tại nên chính quyền địa phương không nắm rõ việc anh D, chị L đã sống ly thân. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Nguyễn Thị Bích L và anh Trương Công D đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Nguyễn Thị Bích L ly hôn anh Trương Công D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Bích L và anh Trương Công D có một con chung tên Trương My S, sinh ngày 20/4/2012. Quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. HĐXX xét thấy cháu Trương My S còn nhỏ, nên cần giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Trương Công D.

2. **Về con chung:** Giao con chung là Trương My S, sinh ngày 20/4/2012 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên;

Anh Trương Công D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

4. **Về tài sản chung và công nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

5. **Về án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0015740 ngày 16-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Bị đơn anh Trương Công D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Trương Kim Chung